TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **36**/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/8/2017.
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXX-ST, ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Hiện đang chấp hành án tại tổ 13, phân trại 1, Trại giam Thủ Đức; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Cháu Phạm Ngọc Duyên T, sinh ngày 18/01/2010; Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị N yêu cầu:

Chị N và anh Phạm Ngọc B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2010. Sau khi kết hôn, chị N và anh B chung sống với gia đình bên chồng

gần hai năm, sau đó vợ chồng cùng đi vào TPHCM làm ăn sinh sống. Trong thời gian ở TPHCM, anh B làm thợ xây và nảy sinh mâu thuẫn, đánh người khác nên bị xử lý hình sự, bị xử phạt 8 năm tù về tội giết người; hiện nay anh B đang chấp hành án tại đội 13, phân trại 1, Trại giam Thủ Đức. Trong thời gian chung sống trước khi anh B đi chấp hành án, chị N và anh B thường xảy ra mâu thuẫn do anh B tính nóng nảy, nhậu say gây gỗ đánh đập chị N nhiều lần. Hiện nay chị N xác định không còn tình cảm đối với anh B nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Trong thời gian chung sống, chị N và anh B sinh được một người con chung tên là Phạm Ngọc Duyên T, sinh ngày 18/01/2010, đang sống với chị N. Nếu ly hôn chị N yêu cầu được quyền nuôi con cho đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Ngọc B trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh B và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Theo yêu cầu ly hôn của chị N, anh B không đồng ý, vì hiện nay vẫn còn tình cảm với chị N, trong thời gian chung sống trước khi anh B đi chấp hành án, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc chứ không có xảy ra mâu thuẫn. Nay anh B mong muốn vợ chồng hòa giải và duy trì cuộc hôn nhân với chị N. Trường hợp chị N vẫn cương quyết ly hôn thì anh B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Trong thời gian chung sống, anh B và chị N sinh được một người con chung tên là Phạm Ngọc Duyên T, sinh ngày 18/01/2010, hiện đang sống với chị N. Nếu giải quyết ly hôn thì anh B đồng ý giao con cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan - cháu Phạm Ngọc Duyên T trình bày:

Cháu T là con của chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Ngọc B. Hiện nay cháu T đang ở với chị N, còn anh B đang chấp hành án phạt tù. Nếu chị N và anh B ly hôn thì cháu T có nguyện vọng được ở với chị N.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quán trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị giải quyết cho chị N được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên là Phạm Ngọc Duyên T, sinh ngày 18/01/2010 cho đến khi thành niên. Anh Phạm Ngọc B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, chị N không được ngăn cản.

Về án phí: Đề nghị buộc chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, nghe tranh luận, nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - anh Phạm Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 BLTTDS 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Ngọc B tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị N và anh B chung sống được thời gian đầu thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ trong cuộc sống. Những lúc mâu thuẫn đôi khi còn dùng vũ lực để giải quyết với nhau. Đến cuối năm 2015, anh B đi chấp hành án phạt tù tại phân trại 1 - Trại giam Thủ Đức. Trong thời gian này, tình cảm với anh B không còn nên chị N đã làm đơn yêu cầu ly hôn. Thể hiện trong hồ sơ vụ án, tại bút lục số 21 và 22, anh B trình bày vẫn còn tình cảm với chị N và không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại, chị N và anh B không chung sống với nhau, chị N đã cương quyết yêu cầu ly hôn chứ không mong muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Điều này thể hiện tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân chị N hiện nay đã không còn tình cảm gì với anh B; do đó nếu có tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy cần giải quyết cho chị N được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh B có một người con chung tên là Phạm Ngọc Duyên T, sinh ngày 18/01/2010 và chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu được nuôi con chung cho đến khi thành niên, anh B đồng ý với yêu cầu của chị N về việc nuôi con chung. Xét hiện nay anh B đang phải chấp hành án nên không thể trực tiếp nuôi con. Trong khi đó, chị N có việc làm, thu nhập và thời gian

để chăm sóc con; nên cần giao cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Phạm Ngọc Duyên T, sinh ngày 18/01/2010 cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ 2014. Chị N không có yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Cần buộc chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Ngọc B.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên là Phạm Ngọc Duyên T, sinh ngày 18/01/2010 cho đến khi thành niên. Anh Phạm Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, chị N không được ngăn cản.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N.0012022 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/8/2017. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Tánh Linh;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hạ Hải Hồ